

Số: 41 /BC-UBND

Nam Sách, ngày 24 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của xã Nam Sách (sau sắp xếp)
(Trình kỳ họp thứ Hai - Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp;

Ủy ban nhân dân xã Nam Sách báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 của xã Nam Sách hình thành sau sắp xếp như sau:

1. Cơ sở pháp lý

- Luật NSNN năm 2015 (khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 30) quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp: Quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSDP; Quyết định điều chỉnh dự toán NSDP trong trường hợp cần thiết;
- Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2025;
- Nghị quyết, Quyết định của thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025.

2. Nguyên tắc xã định dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 sau sắp xếp

Việc tổng hợp dự toán ngân sách xã hình thành sau sắp xếp theo nguyên tắc cộng dồn, thực hiện xây dựng phương án điều chỉnh của địa phương khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (theo đó, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách theo hướng từ dự toán của chính quyền địa phương 03 cấp gồm cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thành dự toán đối với chính quyền địa phương 02 cấp gồm cấp tỉnh và cấp xã) và thực hiện cộng dồn phương án điều chỉnh của 03 địa phương khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp theo nguyên tắc Bộ Tài chính hướng dẫn đối với các địa phương hình thành sau sắp xếp.

3. Dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025 xã Nam Sách sau sắp xếp

3.1. Về dự toán thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách xã: 239.462,0 triệu đồng, gồm:

- Thu Nội địa: 11.152,0 triệu đồng
- + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 1.645,0 triệu đồng;
- + Thuế thu nhập cá nhân: 902,0 triệu đồng;
- + Lệ phí trước bạ: 5.970,0 triệu đồng;
- + Phí và Lệ phí: 286,0 triệu đồng;
- + Thuế phi nông nghiệp: 1.784,0 triệu đồng;
- + Thu tiền sử dụng đất: 300,0 triệu đồng;
- + Thu khác ngân sách: 110,0 triệu đồng;
- + Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: 155,0 triệu đồng;
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 228.310,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

3.2. Về dự toán chi ngân sách nhà nước

Tổng chi ngân sách xã: 239.462,0 triệu đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 300,0 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 228.699,7 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách là: 10.462,3 triệu đồng;

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

4. Một số giải pháp tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2025

Để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2025, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

4.1. Về thu ngân sách

- Tiếp tục bám sát sự chỉ đạo điều hành của HĐND, UBND thành phố, của Ban Thường vụ Đảng ủy, HĐND xã để thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn, phấn đấu tăng thu ngân sách đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi của xã.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trong thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai kịp thời các chính sách thuế mới, sửa đổi bổ sung của Chính phủ ban hành; tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết của người dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; hướng dẫn người nộp thuế thực hiện hồ sơ kê khai thuế đúng quy định, đôn đốc các khoản thuế phát sinh, các khoản thuế nợ để thu, nộp NSNN theo đúng quy định; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ thuế nhằm chống thất thu ngân sách, không để gia tăng thêm số nợ thuế mới. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tăng cường rà soát các nguồn thu, nhất là thu từ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu từ quỹ đất công, thu phí, lệ phí.

- Rà soát quỹ đất, tổ chức triển khai xây dựng các khu/ điểm dân cư trên địa bàn; đẩy nhanh tiến độ tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn theo phương án được phê duyệt tạo nguồn thu ngân sách, nguồn vốn cho đầu tư phát triển của xã.

4.2. Về chi ngân sách

- Chi đầu tư phát triển, tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân theo kế hoạch vốn giao, hoàn thiện hồ sơ đầu tư, rà soát khối lượng thực hiện, thanh toán, giải ngân vốn đầu tư; quyết toán các công trình đảm bảo quy định.

- Chi thường xuyên đảm bảo sát đúng dự toán, đúng chế độ, chính sách, định mức chi hiện hành, thực hiện tiết kiệm chi hành chính, nhất là chi hội nghị, tiếp khách, mua sắm tài sản, trang thiết bị... chưa thực sự cần thiết.

- Tiếp tục thực hiện tốt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật phòng chống tham nhũng; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công; thực hiện nghiêm công tác công khai tài chính, ngân sách.

- Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách, các quỹ đóng góp đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của xã Nam Sách sau sắp xếp; UBND xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Đảng ủy (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND xã
- Các đại biểu dự họp;
- Lưu: VT, PKT.



CHỦ TỊCH

Phùng Văn Diện

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 - SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 24 / 7 / 2025 của UBND xã Nam Sách)

ĐVT: Tr. đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP (NSX)	
	TỔNG THU	241.799,00	239.462,00	
I	Thu nội địa	13.489,00	11.152,00	
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.056,00	1.645,00	
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.128,00	902,00	
3	Lệ phí trước bạ	5.970,00	5.970,00	
4	Thu phí, lệ phí	286,00	286,00	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.784,00	1.784,00	
6	Thu tiền sử dụng đất	2.000,00	300,00	
7	Thu khác ngân sách	110,00	110,00	
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	155,00	155,00	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	228.310,00	228.310,00	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	228.310,00	228.310,00	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 - SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 24/7/2025 của UBND xã Nam Sách)

ĐVT: Tr. đồng

STT	Nội dung	Dự toán trình HĐND xã	Dự toán HĐND thành phố giao	Ghi chú
	TỔNG CHI	239.462,00	239.462,00	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	239.462,00	239.462,00	
I	Chi đầu tư phát triển	300,00	300,00	
1	Chi đầu tư cho các dự án	300,00	300,00	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	300,00	300,00	
II	Chi thường xuyên	228.699,70	229.007,00	
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	113.840,00	113.840,00	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội	5.286,93	5.036,00	Lý do: Bổ sung chi con người Ban chỉ huy quân sự xã từ nguồn quản lý hành chính
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	281,00	281,00	
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.573,00	1.573,00	
6	Chi thể dục thể thao	215,00	215,00	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.504,12	1.343,00	Lý do: Bổ sung chi con người từ nguồn quản lý hành chính
8	Chi bảo vệ môi trường	4.106,00	4.106,00	
9	Chi các hoạt động kinh tế	15.928,00	15.928,00	
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	56.187,60	57.192,00	Lý do: Giảm chi con người để bổ sung chi quốc phòng, sự nghiệp phát thanh; bổ sung dự phòng; tiết kiệm chi
11	Chi bảo đảm xã hội	29.108,46	29.176,00	Lý do: Giảm chi để bổ sung dự phòng
12	Chi thường xuyên khác	285,00	317,00	Lý do: Giảm chi bổ sung dự phòng
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	384,60		Tiết kiệm 10% chi thường xuyên, bổ sung từ nguồn quản lý ngân sách
III	Dự phòng ngân sách	10.462,30	10.155,00	Lý do: Bổ sung dự phòng từ nguồn QLNN, chi khác, chi đảm bảo xã hội
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CẤP TRÊN	228.310,00	228.310,00	
1	Chi đầu tư phát triển (Vốn đầu tư XDCB)			
2	Chi thường xuyên	228.310,00	228.310,00	



PHỤ LỤC: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Nam Sách)

ĐVT: Tr. đồng



STT	Nội dung	Biên chế	Dự toán chi năm 2025	Trong đó: Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Bao gồm	
					Chi con người	Chi chuyên môn
	TỔNG CỘNG	75	239.462,000	41.160,271	22.132,717	19.027,554
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		300,000	225,000		225,000
1	Sửa chữa khắc phục hậu quả số 3 đối với địa điểm trường THCS, Trường Mầm non cơ sở II và trụ sở UBND xã Nam Hồng		150,00	150,00		150,00
2	Mở rộng khuôn viên xây dựng nhà ăn bán trú trường mầm non xã Hồng Phong		75,00			
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường 390C đến thôn Hào Quan, xã Đồng Lạc		75,00	75,00		75,00
B	CHI THƯỜNG XUYỀN		228.699,704	40.002,975	22.132,717	17.870,258
I	CHI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	4	113.840,000	6.964,156	5.830,656	1.133,500
I.1	Chi giáo dục		98.365,844			
1	Các trường Mầm non		29.452,708			
-	Trường Mầm non Nam Hồng		6.598,381			
-	Trường Mầm non Hồng Phong		5.920,765			
-	Trường Mầm non Nam Sách		9.819,738			
-	Trường Mầm non Đồng Lạc		7.113,824			
2	Các trường Tiểu học		27.972,033			
-	Trường tiểu học Nam Hồng		6.612,760			
-	Trường tiểu học Nam Sách		11.875,721			
-	Trường tiểu học Phùng Văn Trinh		9.483,552			
3	Các trường THCS		29.345,594			
-	Trường THCS Nam Hồng		5.857,186			
-	Trường THCS Nam Sách		7.558,943			
-	Trường THCS Đồng Lạc		7.929,225			
-	Trường THCS Nguyễn Trãi		8.000,240			
4	Trường Tiểu học và THCS Hồng Phong		11.595,509			
-	Tiểu học		5.704,899			
-	THCS		5.890,610			
I.2	Chi đào tạo	4	2.531,000			
-	Trung tâm Chính trị xã Nam Sách		2.531,000			
I.3	Chi nghiệp vụ quản lý giáo dục, đào tạo		6.475,000	496,000		496,000
1	Phòng Văn hóa - Xã hội			396,000		396,000
2	Phòng Kinh tế			100,000		100,000
I.4	Dự nguồn chi phục vụ công tác quản lý giáo dục		1.152,156	1.152,156	514,656	637,500
	Trong đó:					



STT	Nội dung	Biên chế	Dự toán chi năm 2025	Trong đó: Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Bao gồm	
					Chi con người	Chi chuyên môn
-	Trường Tiểu học và THCS Hồng Phong - Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất					480,000
-	Trường THCS Nam Sách - Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất					120,000
-	Trường Mầm non Hồng Phong - Hỗ trợ chi công tác bảo vệ khi tiếp nhận trụ sở xã cũ					12,500
-	Trường tiểu học Phùng Văn Trinh - Hỗ trợ chi công tác bảo vệ khi tiếp nhận trụ sở xã cũ					12,500
-	Trường tiểu học Nam Hồng - Hỗ trợ chi công tác bảo vệ khi tiếp nhận trụ sở xã cũ					12,500
I.5	Chế độ tiền thưởng sự nghiệp giáo dục và đào tạo		5.316,000	5.316,000	5.316,000	
II	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH TRẬT TỰ XH		5.286,925	3.427,007	1.003,421	2.423,586
1	Chi Quốc Phòng		2.826,813	1.818,685	366,221	1.452,464
	Trong đó:					
-	Chi lương, phụ cấp			366,221	366,221	
-	Chế độ lực lượng quốc phòng địa phương, diễn tập, bồi dưỡng quốc phòng đối tượng 4			1.046,464		1.046,464
-	Mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất			406,000		406,000
2	Chi An ninh trật tự xã hội		2.460,112	1.608,322	637,200	971,122
	Trong đó:					
-	Lực lượng an ninh cơ sở			637,200	637,200	
-	Thực hiện đề án làng an toàn thôn dân cư an toàn; phòng chống cháy nổ; Kinh phí làm thêm giờ chế độ ANCS theo nghị quyết của Công an tỉnh			408,122		408,122
-	KP áp dụng biện pháp hành chính giáo dục tại xã theo Thông tư 82 ngày 30/12/2022 của Bộ Công An			48,000		48,000
-	Mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất			515,000		515,000
III	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ		281,000	238,400		238,400
IV	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA	1	1.573,000	456,478	100,439	356,039
	Trong đó:					
-	Chi lương, phụ cấp			100,439	100,439	
-	Thực hiện bình xét gia đình văn hóa, khu văn hóa; Tổng kết công tác văn hóa xã (25 thôn x 5tr/thôn)			125,000		125,000
-	Kinh phí quản lý Đèn Liệt sĩ, nghĩa trang liệt sỹ xã (bảo vệ, mua sắm vật tư,...)			66,000		66,000
-	Chi bảo vệ trung tâm, cán bộ không chuyên trách			80,000		80,000
-	Chăm sóc cây, vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh			30,000		30,000

STT	Nội dung	Biên chế	Dự toán chi năm 2025	Trong đó: Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Bao gồm	
					Chi con người	Chi chuyên môn
-	Chi nghiệp vụ, phần mềm kế toán, tham gia hội thi, tuyên truyền trực quan,...			55,039		55,039
V	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH	1	1.504,115	318,586	82,853	235,733
-	Chi lương, phụ cấp			82,853	82,853	
-	Chi nghiệp vụ (bao gồm hoạt động truyền thanh trực tiếp các kỳ họp, sản xuất chương trình ngày lễ, tết,...)			30,000		30,000
-	Chi vật tư, thiết bị truyền thanh			205,733		205,733
VI	SỰ NGHIỆP THỂ THAO	1	215,000	75,607	70,461	5,146
-	Chi lương, phụ cấp			75,607	70,461	5,146
VII	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		4.106,000	553,418		553,418
-	Chi thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; chế phẩm, công tác vệ sinh môi trường			553,418		553,418
VIII	SỰ NGHIỆP KINH TẾ, KTTT		15.928,000	3.003,300		3.003,300
1	Sự nghiệp Nông nghiệp, thủy lợi		3.254,000	575,800		575,800
	Trong đó:					
-	Chi công tác khuyến nông			24,000		24,000
-	Chi công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát diệt chuột			64,000		64,000
-	Chi hỗ trợ phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; thiên tai			75,000		75,000
-	Chi hỗ trợ cấy lúa bằng máy (định mức hỗ trợ theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện)			334,665		334,665
-	Chi mô hình ứng dụng công nghệ sinh hoạt học Microbio Âu Lạc (định mức hỗ trợ theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện)			14,000		14,000
-	Chi mô hình ứng dụng phương tiện bay không người lái phun thuốc BVTV (định mức hỗ trợ theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện)			4,250		4,250
-	Chi kinh phí hỗ trợ công Ban chỉ đạo (định mức hỗ trợ theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện)			20,980		20,980
-	Chi phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; công tác thủy lợi			38,905		38,905
2	Sự nghiệp Giao thông (bao gồm hoạt động ban chỉ đạo an toàn giao thông; duy tu bảo dưỡng đường giao thông,...)		1.958,000	1.257,500		1.257,500
3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính		10.716,000	1.170,000		1.170,000
-	Chi chăm sóc cây xanh; Điện chiếu sáng công cộng; Kênh truyền hệ thống camera giám sát; Đo đạc địa chính thửa đất, tư vấn định giá đất, đấu giá đất, quy hoạch,...			1.170,000		1.170,000
IX	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, HỘI, ĐOÀN THỂ	68	56.187,601	17.278,958	8.737,728	8.541,230

STT	Nội dung	Biên chế	Dự toán chi năm 2025	Trong đó: Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Bao gồm	
					Chi con người	Chi chuyên môn
1	Quản lý nhà nước	39	30.695,945	8.638,473	3.907,777	4.730,696
1.1	Văn phòng HĐND và UBND	30		7.846,066	3.248,338	4.597,728
*	Văn phòng UBND	9		5.462,318	1.644,090	3.818,228
-	Chi lương, phụ cấp (Văn phòng HĐND và UBND: 9 người)			745,530	745,530	
	Chi phụ cấp trưởng, phó thôn			898,560	898,560	
-	Phụ cấp Chủ tịch hội đặc thù			80,000		80,000
-	Chi phụ cấp trưởng thôn, phụ cấp kiêm nhiệm, khác,...			421,992		421,992
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn theo biên chế giao (12,5 triệu đồng/người)			112,500		112,500
-	Chi phục vụ công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (mua sắm, sửa chữa,...)			1.130,000		1.130,000
-	Chi tiền bảo vệ UBND xã, bảo vệ các cơ sở nhà đất bàn giao về xã, dọn vệ sinh,...			180,000		180,000
-	Chi công tác phí, lưu trú, tiếp dân,...			120,000		120,000
-	Phần mềm kế toán (kế toán, lương, quản lý cán bộ, chữ ký số,...)			52,000		52,000
-	Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; văn phòng phẩm,...			400,000		400,000
-	Chi tiền điện, nước, cước viễn thông, kênh truyền mạng			270,000		270,000
-	Chi nhiệm vụ đặc thù			450,000		450,000
-	Chi nạo vét, khơi thông dòng chảy phục vụ công tác Thủy lợi			264,236		264,236
-	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác truyền thanh, tuyên truyền trên địa bàn xã			300,000		300,000
-	Hoạt động tuyên truyền trên địa bàn xã			37,500		37,500
*	Văn phòng HĐND	5		731,164	460,664	270,500
-	Chi lương, phụ cấp (Văn phòng HĐND và UBND: 5 người)			368,415	368,415	
-	Chi phụ cấp đại biểu, trưởng ban HĐND			460,664	460,664	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn theo biên chế giao (12,5 triệu đồng/người)			62,500		62,500
-	Chi nhiệm vụ phát sinh (2 triệu đồng/đại biểu; tổng 104 đại biểu)			208,000		208,000
*	Phòng Văn hóa - Xã hội	7		705,415	527,915	177,500
-	Chi lương, phụ cấp			527,915	527,915	

STT	Nội dung	Biên chế	Dự toán chi năm 2025	Trong đó: Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Bao gồm	
					Chi con người	Chi chuyên môn
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn theo biên chế giao (12,5 triệu đồng/người)			87,500		87,500
-	Tổ chức kỷ niệm ngày thương binh Liệt sĩ 27/7/2025			10,000		10,000
-	Tổ chức Trung thu cho trẻ em (25 thôn x 2,0 tr.đồng/thôn)			50,000		50,000
-	Chi công tác cải cách hành chính; công tác tôn giáo, thanh niên			20,000		20,000
-	Điều tra xã hội học			10,000		10,000
*	Phòng Kinh tế	9		947,169	615,669	331,500
-	Chi lương, phụ cấp			615,669	615,669	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn theo biên chế giao (12,5 triệu đồng/người)			112,500		112,500
-	Chữ ký số, phần mềm,...			6,000		6,000
-	Chi công tác định giá tổ tụng; khảo sát, điều tra giá, thu thập dữ liệu			50,000		50,000
-	Mua phôi đăng ký kinh doanh, phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...			15,000		15,000
-	Chi hoạt động các ban chỉ đạo, tổ kiểm tra,... (điều tra nông nghiệp nông thôn, diệt chuột, sản xuất nông nghiệp,...)			30,000		30,000
-	Chi công tác tuyên truyền, kiểm tra phân loại rác, đất đai, môi trường, xây dựng			50,000		50,000
-	Chi kênh truyền mạng nội bộ; hệ thống mạng nội bộ			18,000		18,000
-	Công tác tuyên truyền: Môi trường, đất đai, chăn nuôi, dịch bệnh,...			50,000		50,000
1.2	Trung tâm phục vụ hành chính công	9		792,407	659,439	132,968
-	Chi lương, phụ cấp			659,439	659,439	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn theo biên chế giao (12,5 triệu đồng/người)			112,500		112,500
-	Chi phần mềm kế toán, chữ ký số, nghiệp vụ chuyên môn,...			20,468		20,468
2	Đảng ủy	19	14.330,748	4.532,296	2.359,796	2.172,500
	Văn phòng Đảng ủy (bao gồm Ban đảng, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy)	19		4.532,296	2.359,796	2.172,500
-	Chi lương, phụ cấp (văn phòng Đảng ủy, Ban xây dựng đảng, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy: 19 người)			1.506,164	1.506,164	
-	Phụ cấp Đảng ủy, phục vụ đảng			165,672	165,672	
-	Phụ cấp bí thư chi bộ thôn			687,960	687,960	

STT	Nội dung	Biên chế	Dự toán chi năm 2025	Trong đó: Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Bao gồm	
					Chi con người	Chi chuyên môn
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn theo biên chế giao (12,5 triệu đồng/người)			237,500		237,500
-	Chi Đại hội Đảng bộ xã, chuyên đề, nghiệp vụ			1.075,000		1.075,000
-	Chi phục vụ công tác kiểm tra giám sát			30,000		30,000
-	Chi mua sắm, sửa chữa, điện, nước, mạng Internet,...			160,000		160,000
-	Chi nhiệm vụ đặc thù			450,000		450,000
-	Kinh phí xe ô tô (bao gồm lương lái xe), hợp đồng tạp vụ			220,000		220,000
3	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	10	9.451,908	2.399,189	761,155	1.638,034
-	Chi lương, phụ cấp (Ủy ban MTQ, các hội, công đoàn): 10 người			761,155	761,155	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn theo biên chế giao (12,5 triệu đồng/người)			125,000		125,000
-	Ủy ban MTTQ xã	6		1.073,034		1.073,034
+	Kinh phí cuộc vận động; hoạt động giám sát cộng đồng, giám sát và phản biện; thăm hỏi và chúc mừng			215,000		215,000
+	Nghiệp vụ khác			60,000		60,000
+	Cán bộ không chuyên trách			215,374		215,374
+	Trưởng Ban công tác mặt trận thôn			582,660		582,660
-	Hội nông dân (bao gồm phụ cấp chi hội)	1		80,000		80,000
-	Đoàn Thanh niên (bao gồm phụ cấp chi hội)	1		130,000		130,000
-	Hội liên hiệp phụ nữ (bao gồm phụ cấp chi hội)	1		90,000		90,000
-	Hội Cựu chiến binh (bao gồm phụ cấp chi hội)	1		90,000		90,000
-	Hoạt động công đoàn			50,000		50,000
4	Chế độ tiền thưởng		1.709,000	1.709,000	1.709,000	
X	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		29.108,463	7.302,465	6.307,159	995,306
1	Kinh phí chúc thọ người cao tuổi		1.368,000	17,000	17,000	
2	Kinh phí thu thập, cập nhật, chỉnh sửa tổng hợp thông tin người lao động trên địa bàn		103,000	103,000		103,000
3	Kinh phí chi trả, quản lý		79,000	67,000		67,000
4	Trợ cấp đột xuất lang thang cơ nhỡ		146,000	12,000		12,000
5	Nghị định 20 của Chính phủ		24.373,000	5.122,000	5.122,000	
6	Kinh phí tiền điện hộ nghèo, hộ BTXH		295,000	93,000	93,000	
7	Kinh phí ủy quyền mai táng phí		658,000	130,000	130,000	
8	Tuyên truyền tập huấn		31,000	7,000		7,000
9	Chi bảo trợ xã hội (thành phố BS)		375,000	375,000	375,000	
10	Chi trợ cấp xã (bao gồm lương cán bộ già yếu nghỉ việc GYNV, ngày 27/7,...)		1.680,463	1.376,465	570,159	806,306
	Trong đó:					
-	Hỗ trợ cai nghiện ma túy			101,600		101,600

STT	Nội dung	Biên chế	Dự toán chi năm 2025	Trong đó: Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Bao gồm	
					Chi con người	Chi chuyên môn
-	KP hoạt động theo định mức (bao gồm hoạt động thi hành án dân sự, tái hoà nhập cộng đồng;...)			132,000		132,000
-	Chi hoạt động 27/7, thấp nền chi ân,...			63,500		63,500
-	KP tổ chức lễ chúc thọ thôn, KDC (2trđ/thôn, 45 triệu tại xã)			110,000		110,000
XI	CHI KHÁC		285,000			
XII	TIẾT KIỆM 10%		384,600	384,600		384,600
D	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH		10.462,296	932,296		932,296
	Trong đó phân bổ: Chi công tác khen thưởng (Văn phòng HĐND và UBND xã)					200,000

Trình kỳ hợp thứ hai - HDND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

TRONG ĐÓ

[illegible]

TRONG ĐÓ

[illegible]